CTCP Y Dược phẩm Vimedimex (HSX: VMD)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	17,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.0%	**1.8%**	**3.3%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,214 - 21,889
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	268
Số lượng CPLH (CP)	15,440,268
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,600
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	0.01
EPS	1,126
P/E	15.4

Tỷ suất lợi nhuận

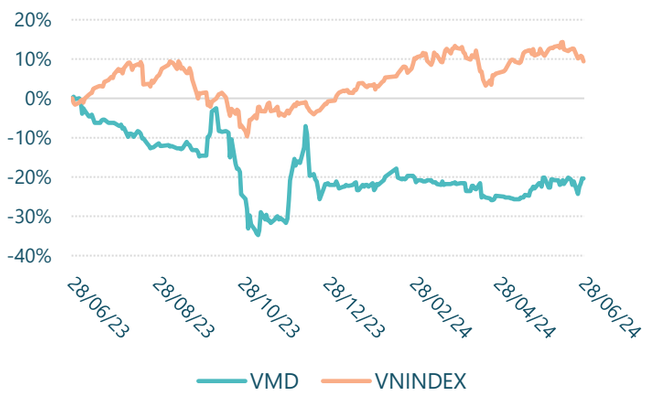

Doanh thu thuần

Q2/24

258

tỷ VNĐ

QoQ: ▼97.0 | -27.3%

YoY: ▼817 | -76.0%

Nợ/VCSH

Q2/24

263%

YoY: +/-▼ 39.3%

LN gộp

Q2/24

27.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00 | -6.9%

YoY: ▼51.5 | -65.0%

ROE (TTM)

Q2/24

4.2%

YoY: +/-▼ 1.4%

LN trước thuế

Q2/24

3.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.60 | -14.8%

YoY: ▼12.8 | -78.6%

ROA (TTM)

Q2/24

0.9%

YoY: +/-▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q2/24

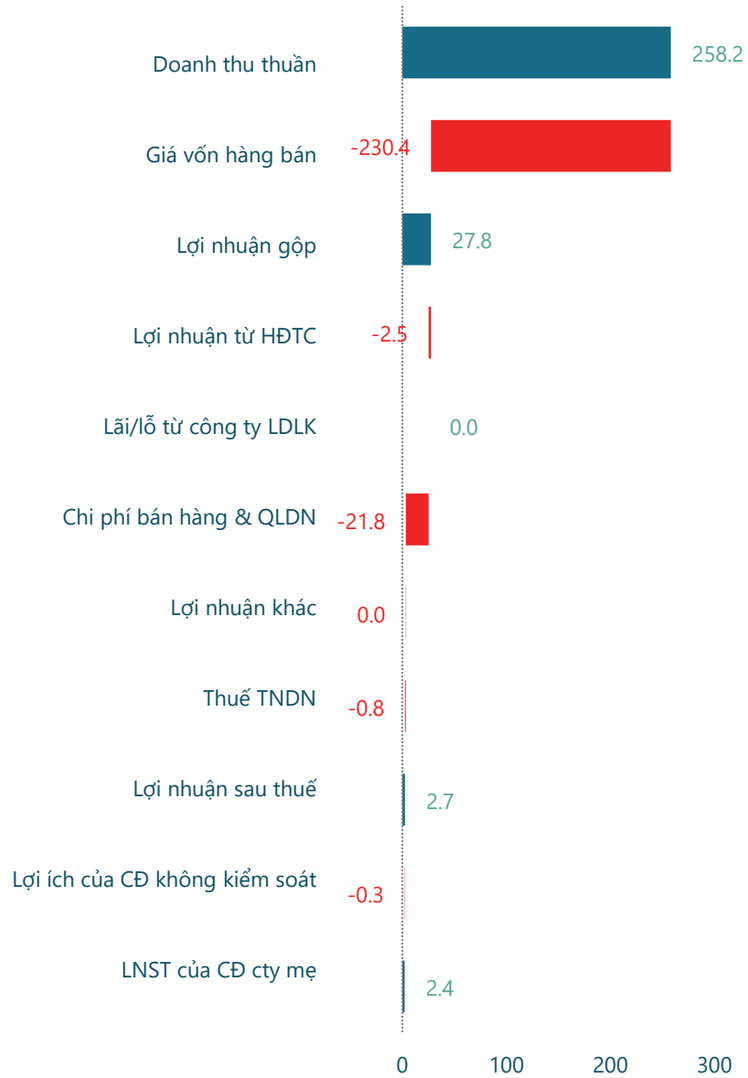

CTCP Y Dược phẩm Vimedimex (HSX: VMD)

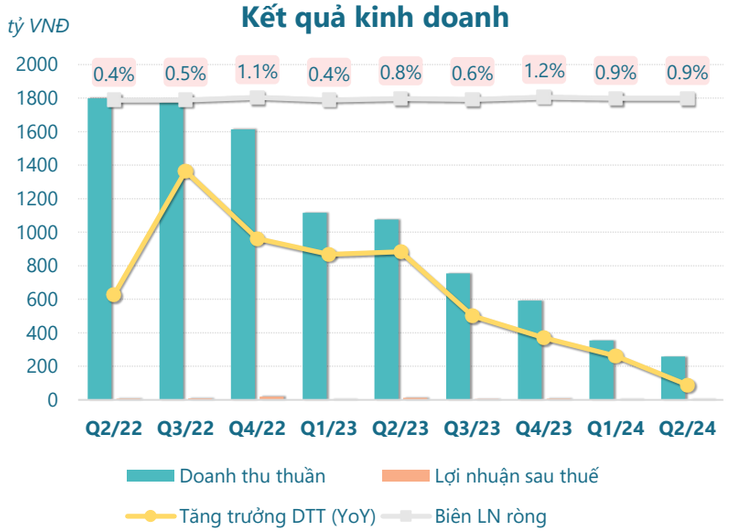

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 3.50 tỷ đồng**, giảm đi 15.9% so với kỳ trước và thấp hơn 78.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.46 tỷ đồng** giảm đi 1.80 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 242% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.01 tỷ đồng** tăng thêm 0.05 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 117% so với cùng kỳ năm trước.

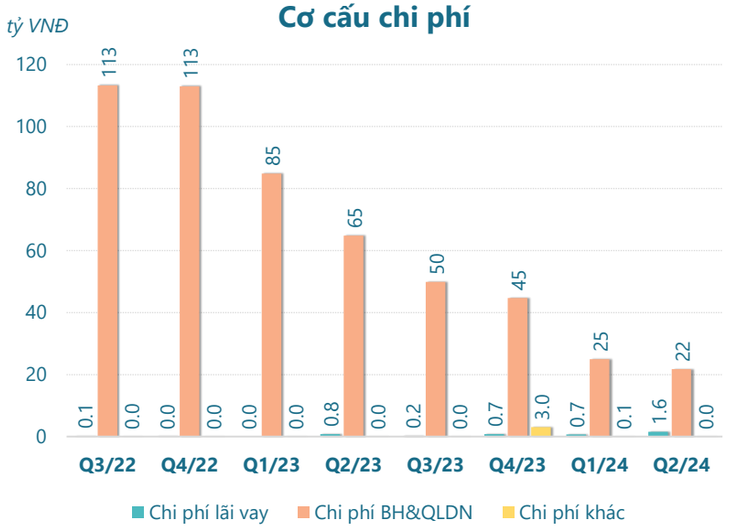

Kết quả kinh doanh của **VMD** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **258.2 tỷ đồng** giảm đi **76.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 2.67 tỷ đồng**, **giảm sút 78.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **613.0 tỷ đồng** thấp hơn 72.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.00 tỷ đồng** thấp hơn 68.8% so với cùng kỳ năm trước.

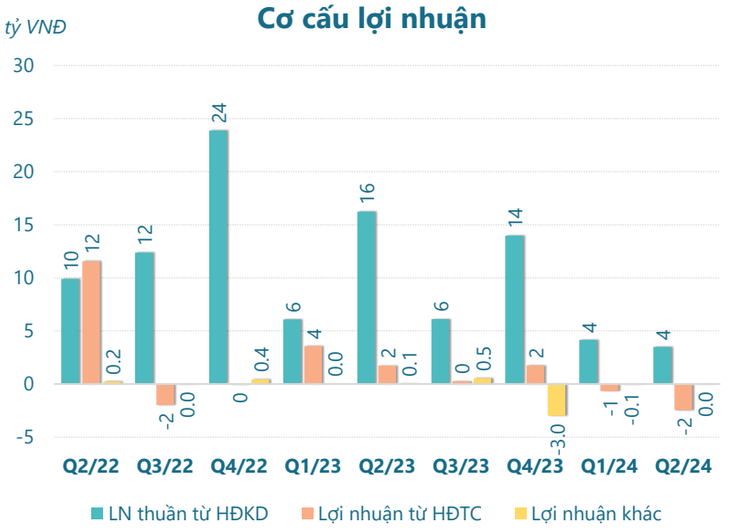

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.57 tỷ đồng** tăng thêm 142% so với kỳ trước và cao hơn 89.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **21.79 tỷ đồng** giảm đi 12.6% so với kỳ trước và thấp hơn 66.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** giảm đi 83.3% so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Y Dược phẩm Vimedimex (HSX: VMD)

FireAnt
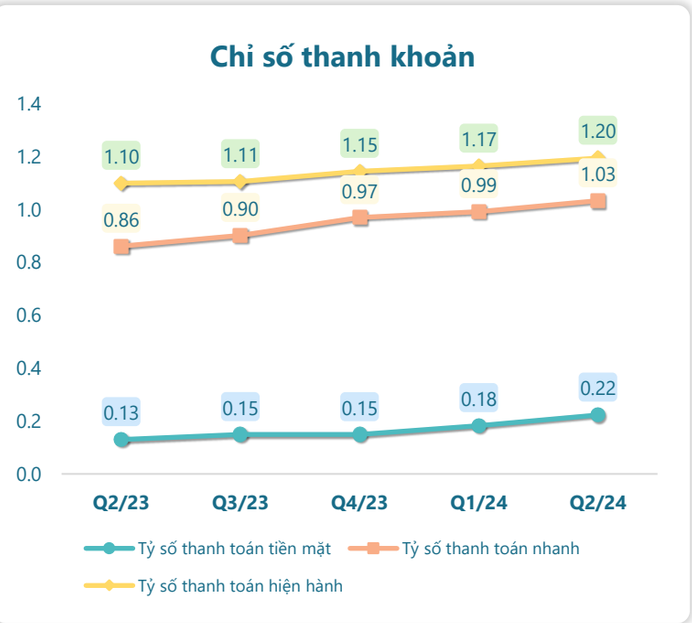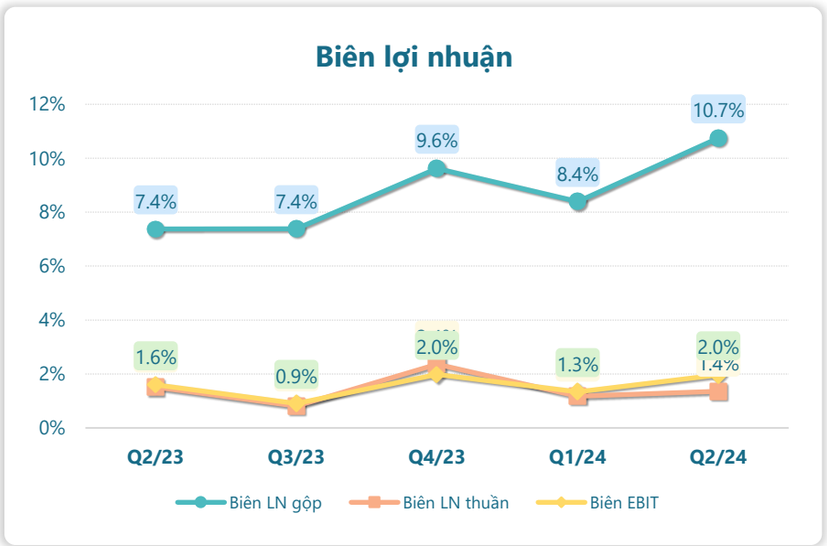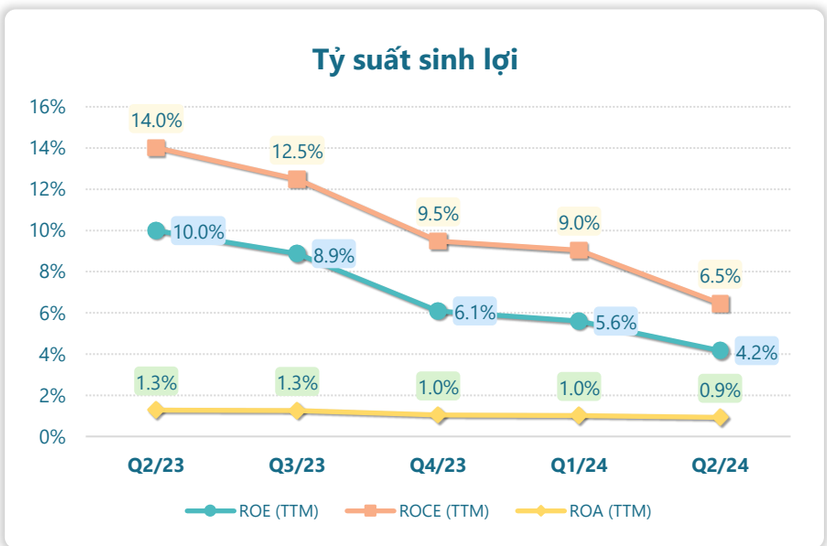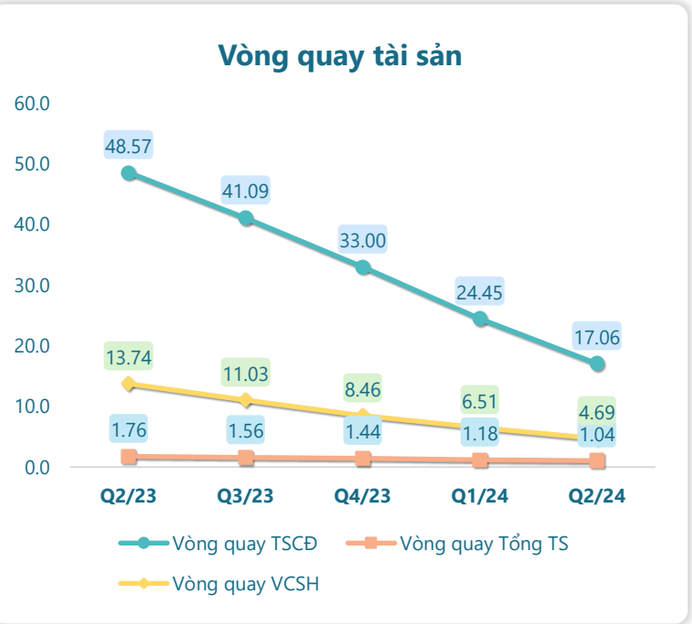
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**258**	**355**	**-27.3%**	**1,075**	**-76.0%**	**613**	**2,191**	**-72.0%**
Giá vốn hàng bán	230	325	-29.1%	996	-76.9%	555	2,024	-72.6%
Lợi nhuận gộp	27.8	29.8	-6.9%	79.3	-65.0%	57.5	167	-65.5%
Doanh thu HĐTC	1.72	1.50	14.5%	2.99	-42.5%	3.22	7.30	-56.0%
Chi phí TC	4.18	2.16	93.4%	1.26	231%	6.33	1.98	219%
Chi phí lãi vay	1.57	0.65	142%	0.83	89.6%	2.23	0.83	169%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	18.5	19.1	-3.3%	48.5	-61.9%	37.6	119	-68.6%
Chi phí QLDN	**3.33**	**5.85**	**-43.1%**	**16.3**	**-79.6%**	**9.18**	**30.2**	**-69.6%**
LN thuần từ HĐKD	3.50	4.16	-15.8%	16.2	-78.4%	7.66	22.3	-65.7%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.06**	**89.4%**	**0.06**	**-111%**	**-0.06**	**0.08**	**-176%**
LN trước thuế	3.50	4.10	-14.8%	16.3	-78.6%	7.60	22.4	-66.1%
Lợi nhuận sau thuế	**2.67**	**2.78**	**-4.0%**	**12.3**	**-78.3%**	**5.45**	**16.2**	**-66.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.37**	**3.29**	**-28.0%**	**8.83**	**-73.2%**	**5.66**	**13.7**	**-58.9%**